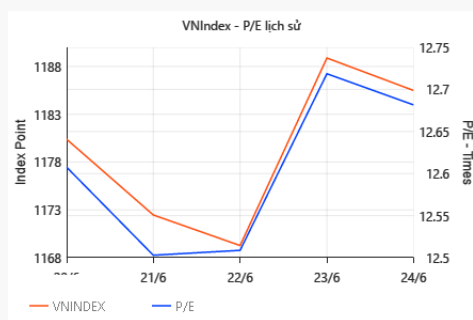


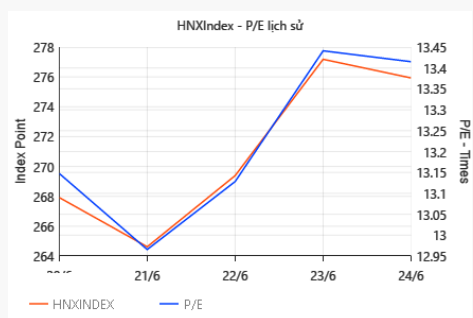


VN-INDEX



Điểm số	1,185.48
Tuần qua (WoW)	-2.61%
Từ đầu năm (YTD)	-20.88%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-18.55%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-24.58%
P/E	12.68
P/B	2.02

HNX -INDEX



Điểm số	275.93
Tuần qua (WoW)	-1.47%
Từ đầu năm (YTD)	-41.79%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-12.96%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-21.03%
P/E	13.41
P/B	1.56

Bộ phận Chiến lược đầu tư

THEO DÕI SỐ LIỆU VĨ MÔ THÁNG 6

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Dòng tiền suy yếu trên thị trường đã đưa chỉ số VN-Index quay trở lại kiểm định ngưỡng hỗ trợ 1,160 trong tuần qua, nhiều nhóm ngành có mức tăng điểm tốt trong các tuần trước cũng bị bán trong tuần vừa rồi khi dòng tiền ưu tiên sự an toàn. Diễn biến này hoàn toàn dễ hiểu khi thị trường đang lo ngại những khó khăn đối với việc điều hành vĩ mô hiện tại: kinh tế toàn cầu đang suy yếu ảnh hưởng xuất khẩu, đồng đô la mạnh khiến ngân hàng nhà nước phải sử dụng dự trữ ngoại hối để điều tiết với quy mô lớn, tiến độ giải ngân đầu tư công vẫn khá chậm.

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là thị trường Mỹ đã có tuần hồi phục rất tốt. Có lẽ, thị trường đang đặt vào khả năng FED sẽ không thắt chặt chính sách như đã thông báo khi kinh tế thế giới đang có triển vọng kém đi và giá hàng hóa (nhiên liệu, lương thực) đều đang điều chỉnh rất mạnh gần đây. Do vậy, với thị trường Việt Nam, đợt công bố số liệu vĩ mô thế giới và Việt Nam sắp tới nên được chú ý. Nếu FED bớt thắt chặt, NHNN sẽ được giảm bớt áp lực tỷ giá. Ngược lại với một số rủi ro khác đã nói ở trên, sức hồi phục mạnh mẽ của tiêu dùng, áp lực lạm phát giảm xuống với đà suy giảm của giá hàng hóa đang là những căn cứ có thể giúp cho NHNN chưa cần phải nâng lãi suất, từ đó duy trì sự hỗ trợ tới nền kinh tế và doanh nghiệp.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Vùng hỗ trợ quan trọng được giữ vững chiến lược giao dịch như đã đề cập trong tuần liền trước được duy trì: nếu sẵn sàng và có thể chấp nhận rủi ro với hoạt động giao dịch ngắn hạn, đây là lúc thích hợp để giải ngân. Với hoạt động tích lũy mang tính trung dài hạn, vùng điểm này cũng là hấp dẫn.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	76.3%		-30.0%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	81.7%		-32.3%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		18.5%	201.8%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	55.2%		-25.5%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	2.6%		29.8%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		71.3%	342.3%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	66.9%		-19.9%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	19.5%		12.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		6.3%	22.0%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		64.7%	84.8%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	22.3%		32.2%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		14.1%	100.2%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	37.5%		87.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	56.1%		-18.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		1.7%	31.5%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		42.9%	142.1%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	40.6%		-13.5%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	21.1%		19.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-52.6%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	23.5%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-22.4%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	42.2%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-8.6%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-4.3%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	10.3%
DPG*	31/05/21	26,500 - 27,929	42,571	24,000	1:4	74.4%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-22.9%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-18.8%
SSI*	20/05/21	21,000 - 22,300	27,850	19,700	1:2	-16.6%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-40.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	73.9%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-44.5%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	4.0%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	48.6%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	1.0%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-3.1%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-26.4%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-1.6%
GEG*	08/03/21	15,610 - 16,650	24,245	14,580	1:4	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	-12.9%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-20.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	45.5%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	36.5%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	76.2%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-11.7%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	0.5%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	33.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	122.3%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-14.8%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	93.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	74.1%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	50.9%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	153.5%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Việt Nam có một tuần giảm điểm suy yếu cả về chỉ số lẫn thanh khoản. Trên HSX VN-Index giảm 2.61% trong khi khối lượng và giá trị khớp lệnh bình quân giảm 18.6% và 24.6%. Trên HNX, HNX-Index giảm 1.47%, khối lượng và giá trị khớp lệnh bình quân giảm 13% và 21%. Độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về phía tiêu cực với 250 mã tăng/ 407 mã giảm.

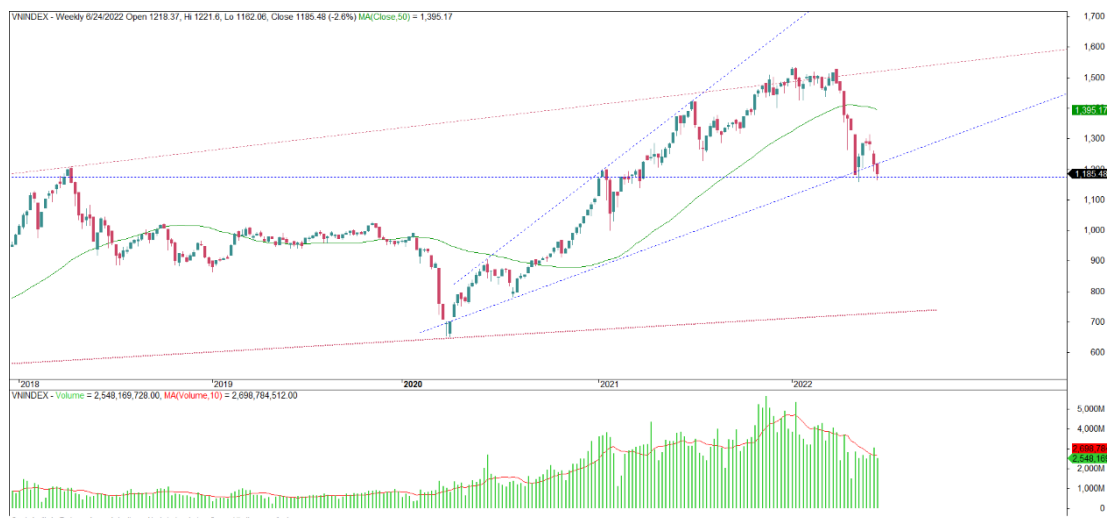
Việc giá dầu quay đầu điều chỉnh đã tạo áp lực khiến cho một trong những trụ chính kéo thị trường tuần trước là GAS đã trở thành mã lấy điểm chính của thị trường trong tuần này. Không chỉ GAS là cổ phiếu khí, nhóm tiện ích (điện, nước) đã tăng tốt trong các tuần trước cũng chịu áp lực điều chỉnh. Và tất nhiên nhóm cổ phiếu Dầu khí, với diễn biến giá trong thời gian gần đây có độ tương quan cao với giá dầu thế giới cũng đã chịu áp lực bán rất mạnh trong tuần vừa qua.

Ở chiều ngược lại, VNM đã thay thế GAS trong tuần vừa qua để trở thành mã dẫn dắt thị trường. Dòng tiền thận trọng đang tìm kiếm các lựa chọn an toàn với mức giá thấp hơn một cách tương đối. Một số công ty bảo hiểm như PTI và BVH cũng tăng điểm tốt nhưng đà tăng không lan tỏa ra toàn bộ nhóm Bảo hiểm.

Xét riêng sàn HSX, tuần qua là một tuần mà lực bán ròng đến từ cá nhân (cả trong nước và nước ngoài) đã được tổ chức (trong nước và nước ngoài) mua ròng đối ứng.

Xét trên bình diện thế giới, thị trường Việt Nam và một số thị trường châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan (TQ), Philippines giảm điểm trong khi các chỉ số chính tại Mỹ ngược lại tăng điểm rất mạnh. Nasdaq có mức hồi phục lên đến 9% trong tuần qua trong khi S&P500 là 6.9%. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ 10 năm cũng giảm từ 3.26% của tuần trước xuống còn 3.09% trong tuần này.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 2.6%, mở cửa tuần sát tham chiếu và sát mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường bắt đầu với ngày thứ hai có mức giảm tương đối và đóng cửa thấp nhất ngày cho thấy tương quan cung cầu nghiêng hẳn về phía bán. Tuy nhiên, sự chênh lệch đã được làm mờ đáng kể trong hai ngày sau đó và đến ngày thứ năm thì tương quan cung cầu đã nghiêng trở lại về phía mua. Dù vậy thì lực mua cũng chưa thực sự đủ mạnh mẽ và đến ngày thứ sáu cuối tuần thì VNIndex đã giảm nhẹ.

Điều quan trọng nhất với thị trường trong tuần vừa qua đó là vùng điểm 1,180 – 1,200 được giữ vững, với áp lực bán tiên biến khi trở về vùng điểm đó. Điều cần thiết lúc này với thị trường đó là một phiên giao dịch cho thấy sự trở lại mạnh mẽ của lực mua, dù là lực mua giá thấp hay lực mua giá cao.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

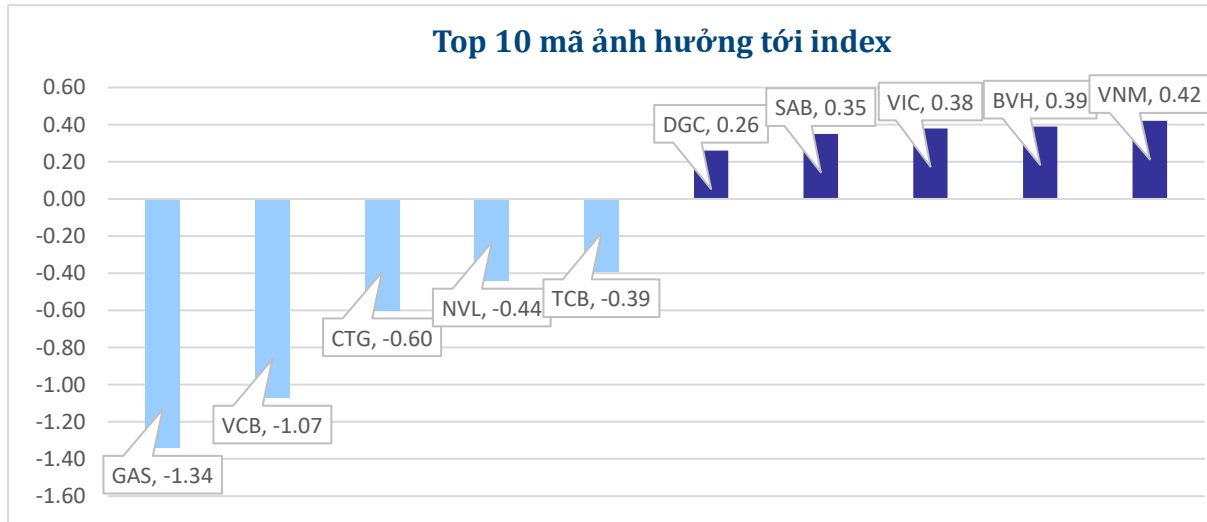
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,185.48	-0.29%	-3.40	478.69	10,180.0	239	50	223
Vn30 - Index	1,235.47	-0.41%	-5.11	108.02	3,980.6	13	3	14
Vn - Mid	1,559.52	3.26%	0.21	195.65	4,421.6	34	4	32
VN - Small	1,409.96	0.44%	6.14	70.37	1,115.5	115	17	81
HNX - Index	275.93	-0.45%	-1.25	54.94	1,054.5	114	55	175
Upcom - Index	87.10	0.46%	0.40	52.35	609.9	230	94	119

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	10,179.96	0.20%	478.69	8.60%
HNX	1,054.50	-18.65%	54.94	-8.58%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

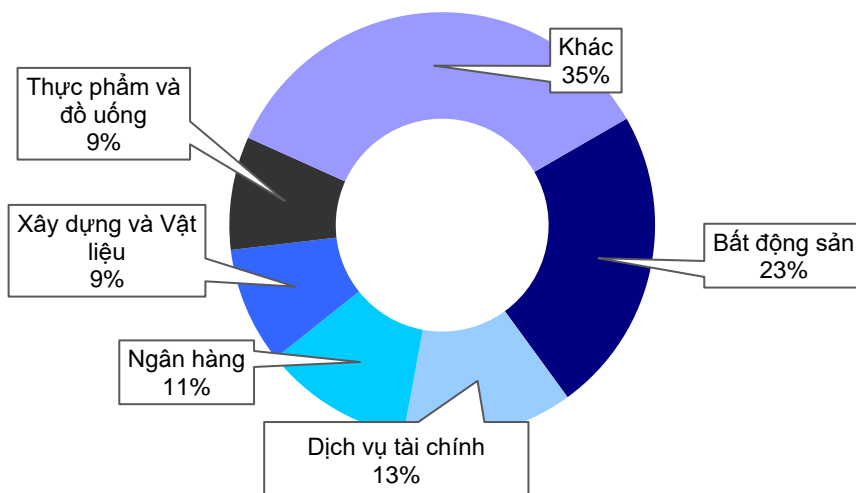


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
VND	26.59	VND	457.4	SAM	164%	HDC	6.9%	L14	-6.0%
HPG	12.83	DIG	437.8	BVH	153%	SAM	6.9%	CEO	-4.3%
SSI	11.93	NVL	284.7	LCG	140%	HSG	5.0%	IDI	-4.0%
DIG	11.79	HPG	281.9	L14	135%	LCG	4.5%	VHC	-3.8%
STB	11.60	STB	248.8	NVL	131%	BVH	4.0%	DIG	-2.8%

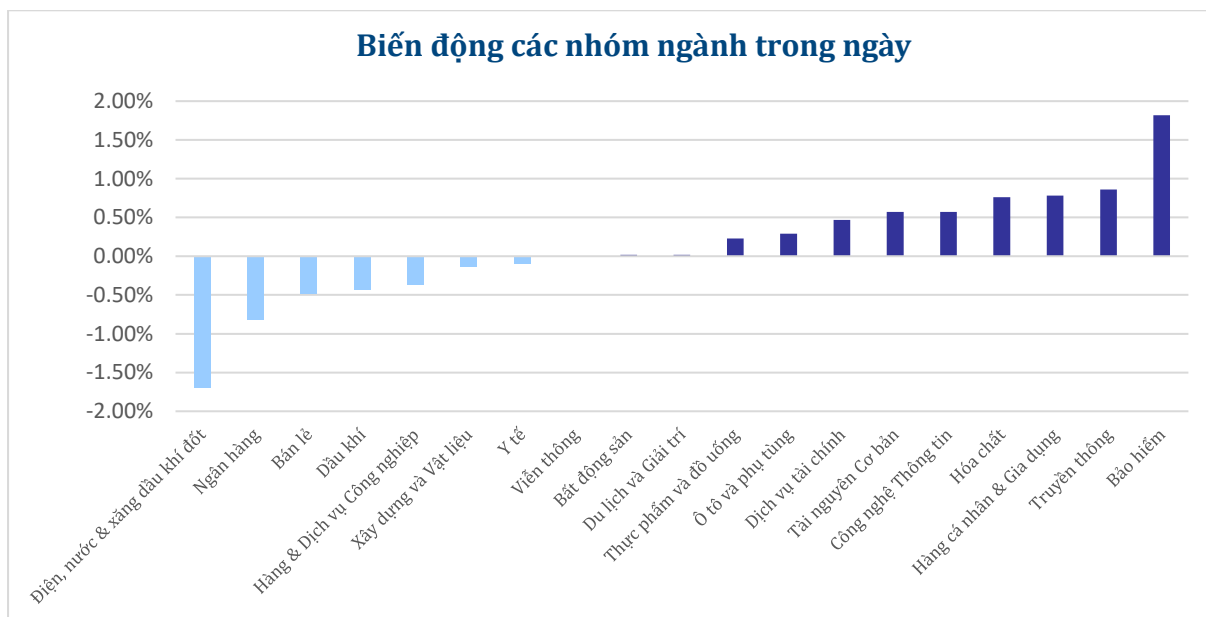


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

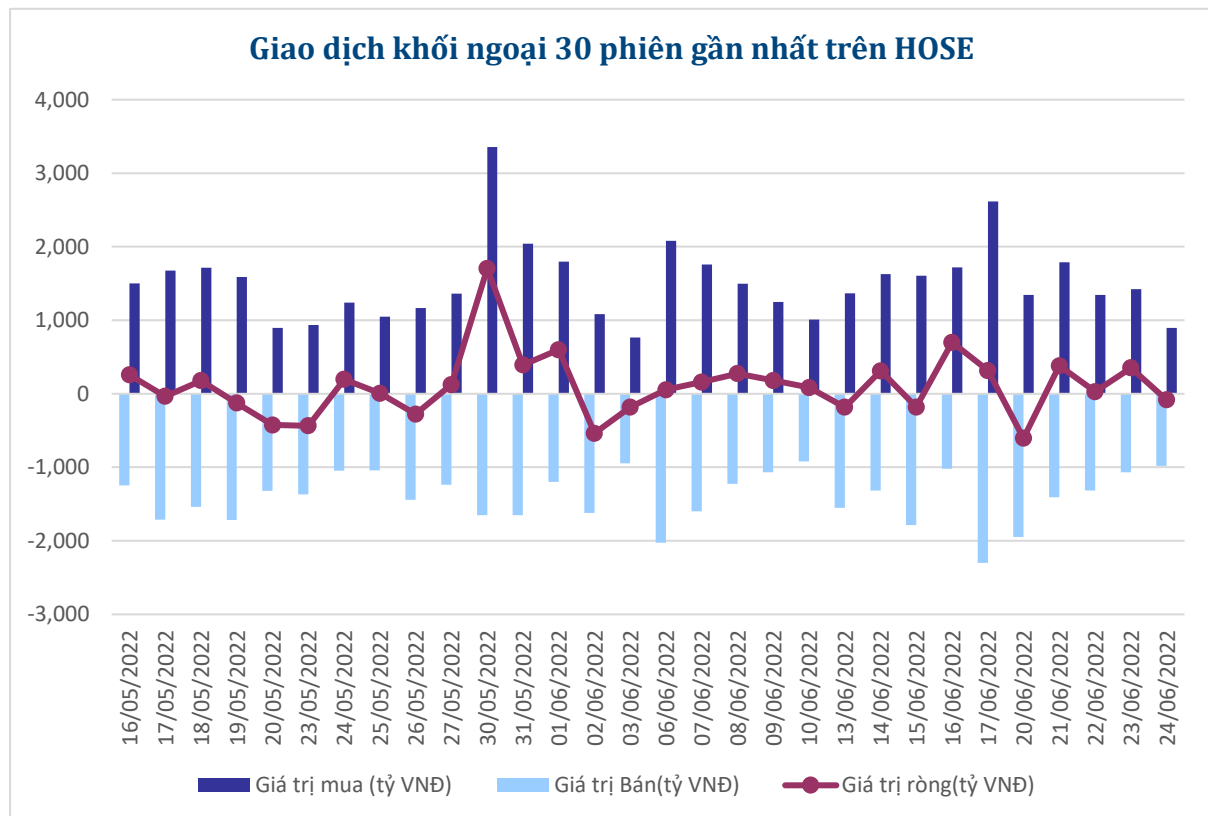




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

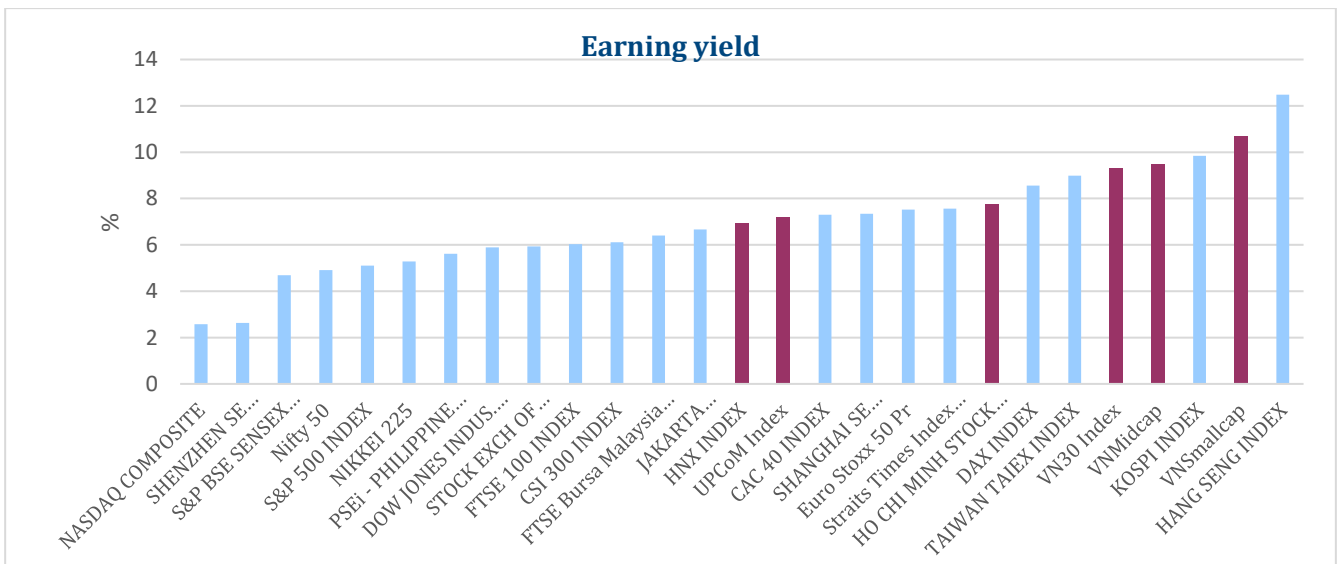
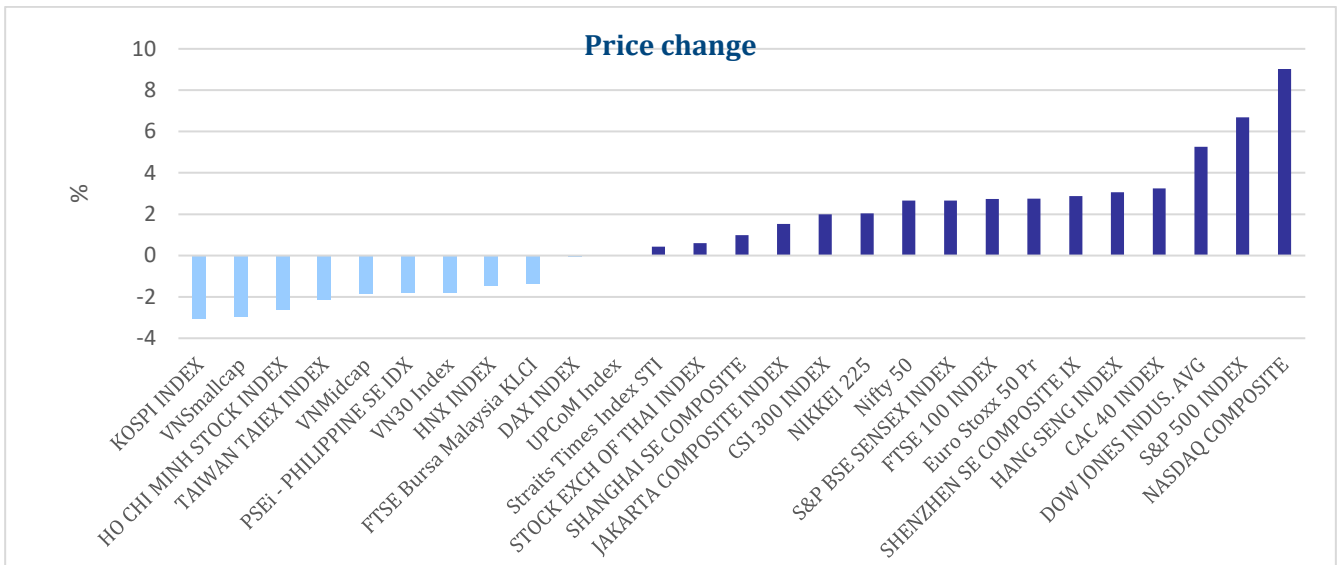
Trên HOSE bán ròng 82.73 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 5.48 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
STB	64.92	NVL	40.60
KBC	34.76	HPG	39.63
VCI	30.79	MWG	28.02
MSN	24.24	HDB	25.62
NLG	21.92	VHM	23.63





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

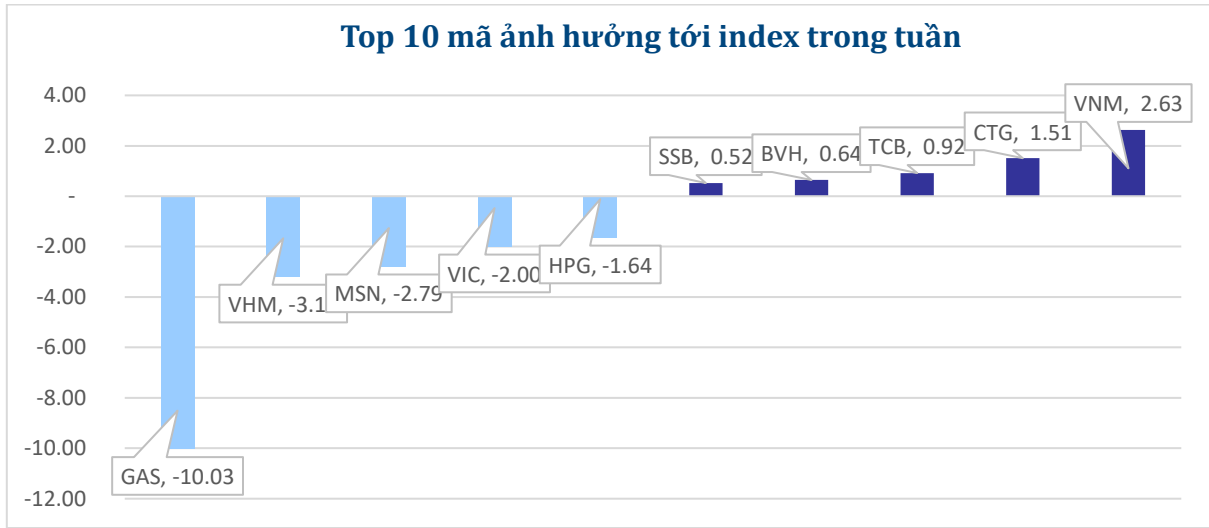


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



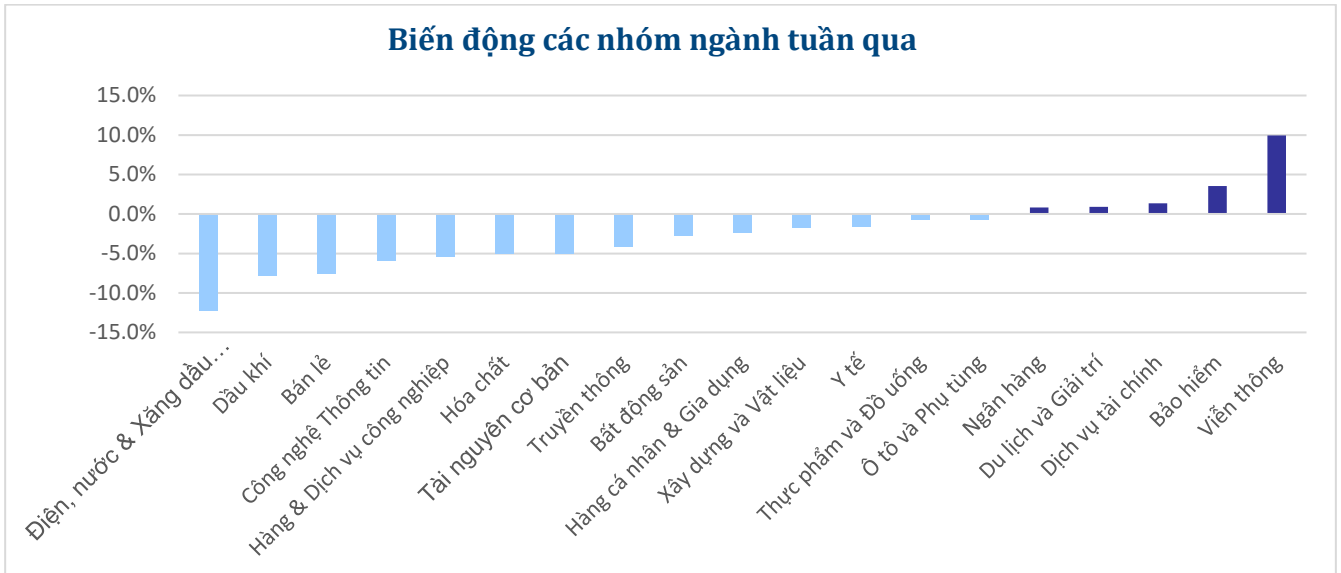


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



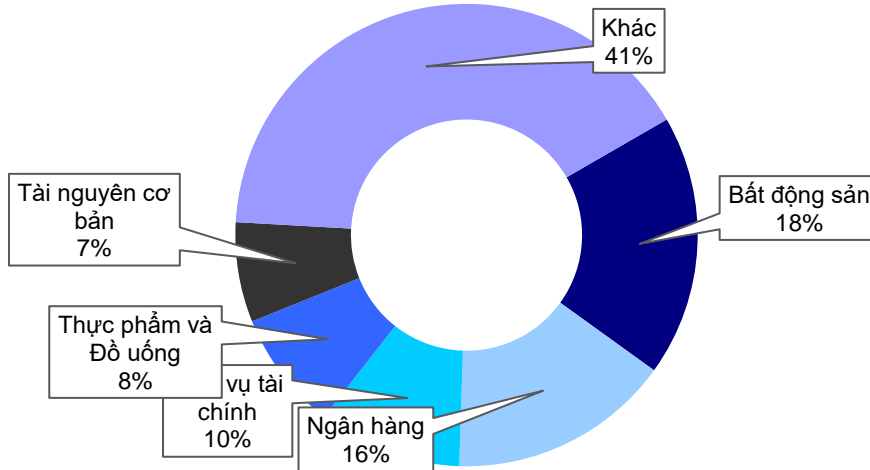
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
VND	25.3	BSR	579.0	VSH	2.18x	FLC	18.1%	PVS	-21.1%
POW	24.6	HPG	509.3	NT2	2.17x	HAG	15.8%	PAS	-20.6%
HPG	23.7	VND	419.6	GEG	2.03x	FTS	14.8%	PC1	-16.3%
BSR	20.4	POW	347.1	VIB	1.92x	HCM	11.8%	PVC	-16.3%
SSI	16.2	DIG	329.8	VND	1.89x	ROS	11.4%	NT2	-16.2%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

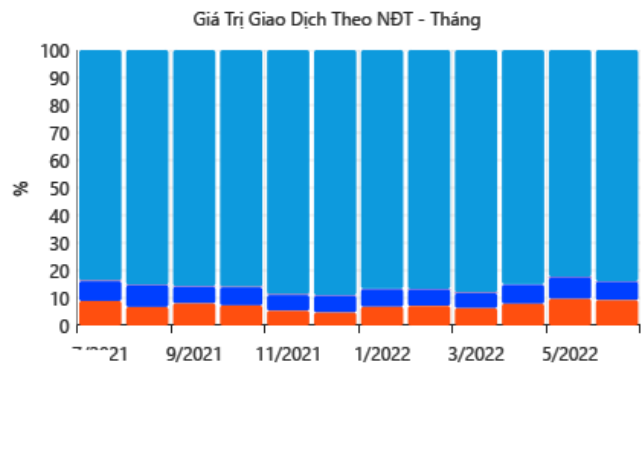
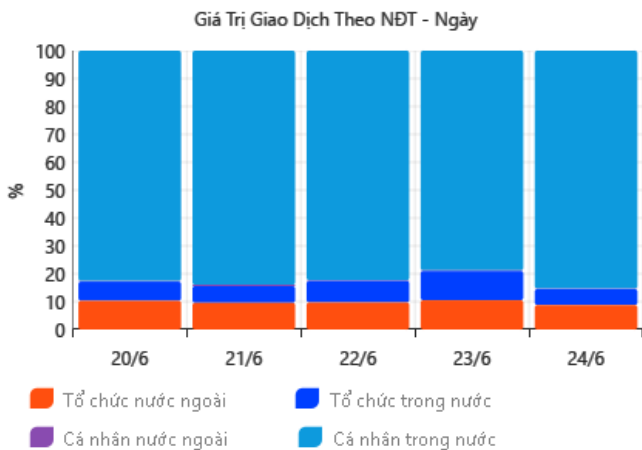


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VND	1.78%	3,802.4	MWG	-7.46%	1,867.6
HPG	-6.03%	3,739.0	HPG	-6.03%	1,486.6
POW	-15.84%	3,327.9	FPT	-7.07%	978.1
DIG	-3.58%	3,113.0	GAS	-14.93%	941.4
NVL	-2.25%	2,809.3	VNM	7.20%	769.4

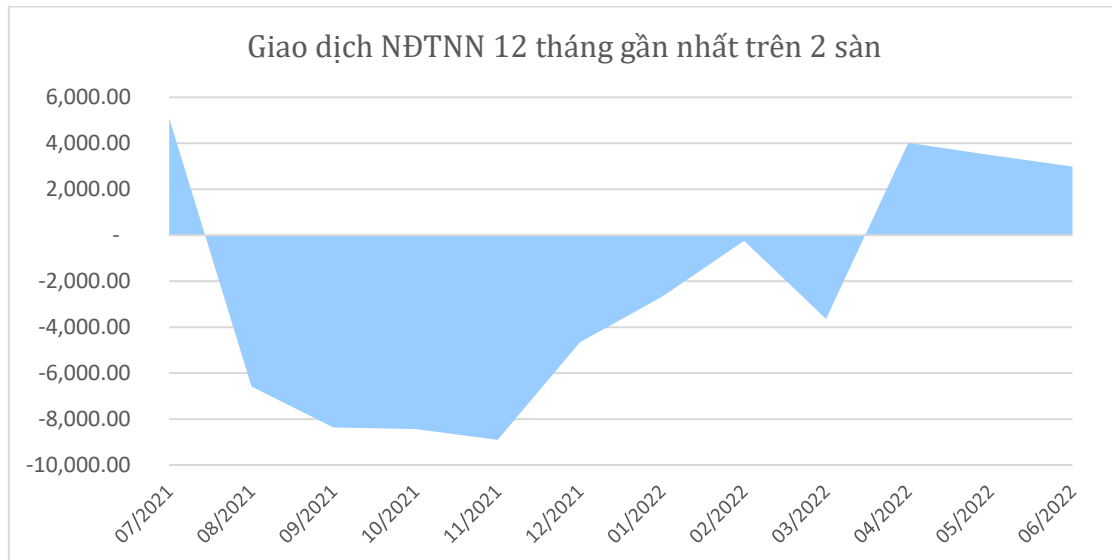
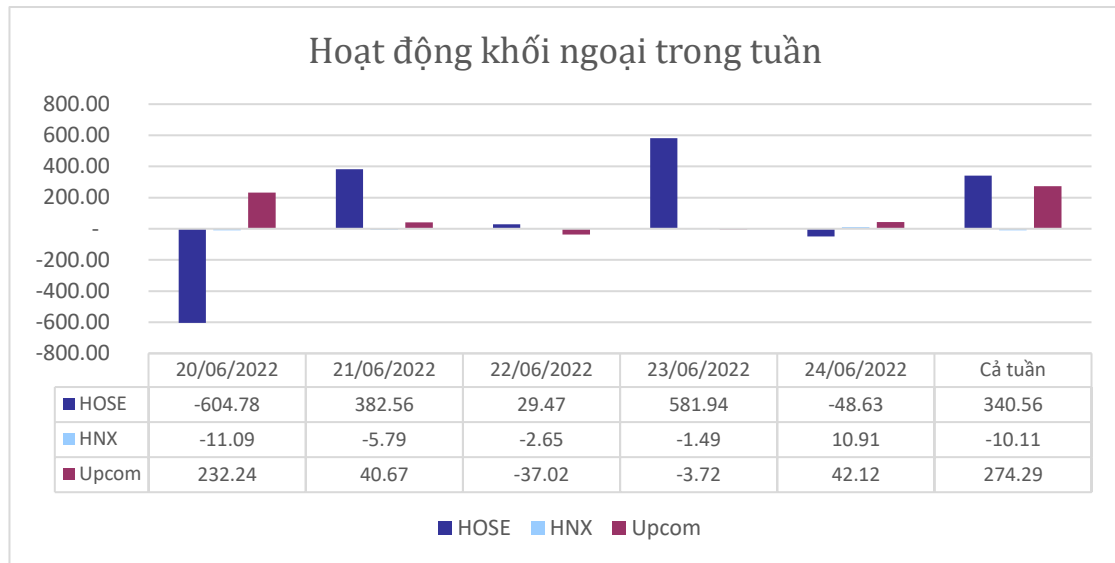
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

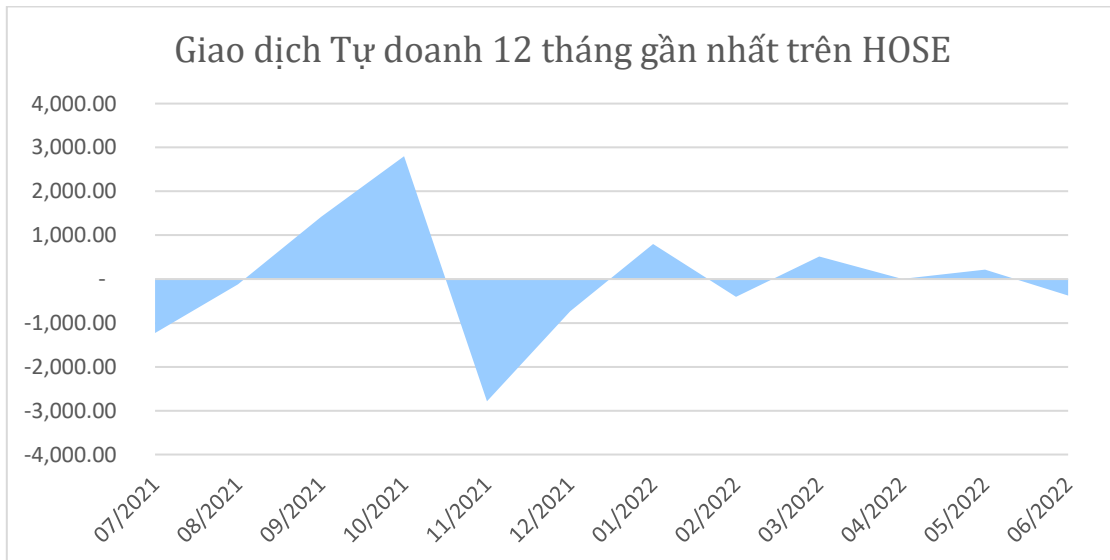
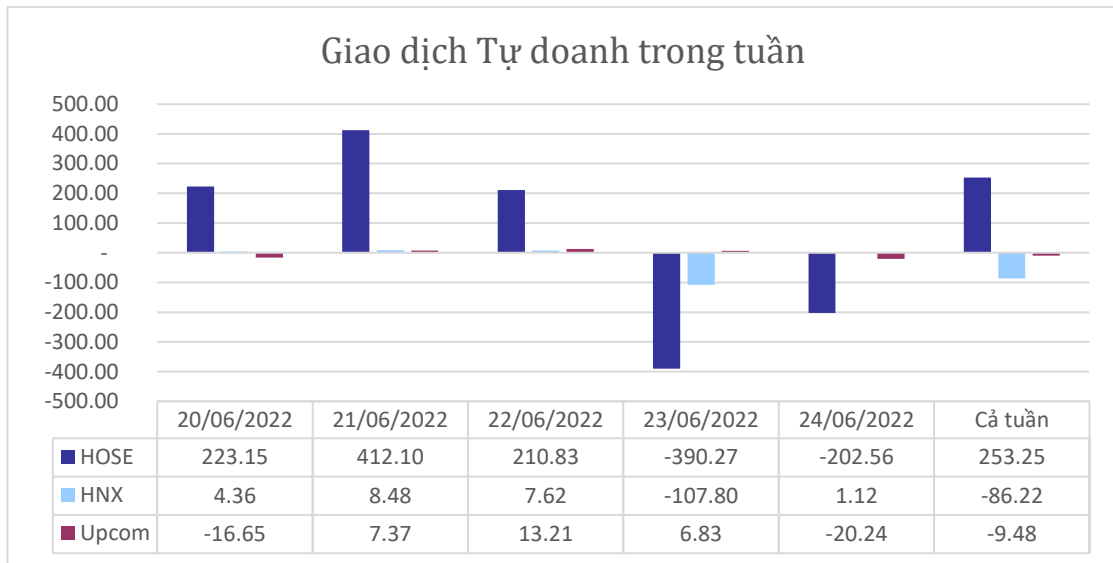
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
GAS	-14.93%	237.89	HPG	-6.03%	440.72
STB	4.69%	195.16	VND	1.78%	220.35
FUEVFNVD	-3.35%	155.78	MWG	-7.46%	174.74
VNM	7.20%	153.83	VHM	-4.24%	116.60
CTG	5.10%	152.76	NVL	-2.25%	97.06





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

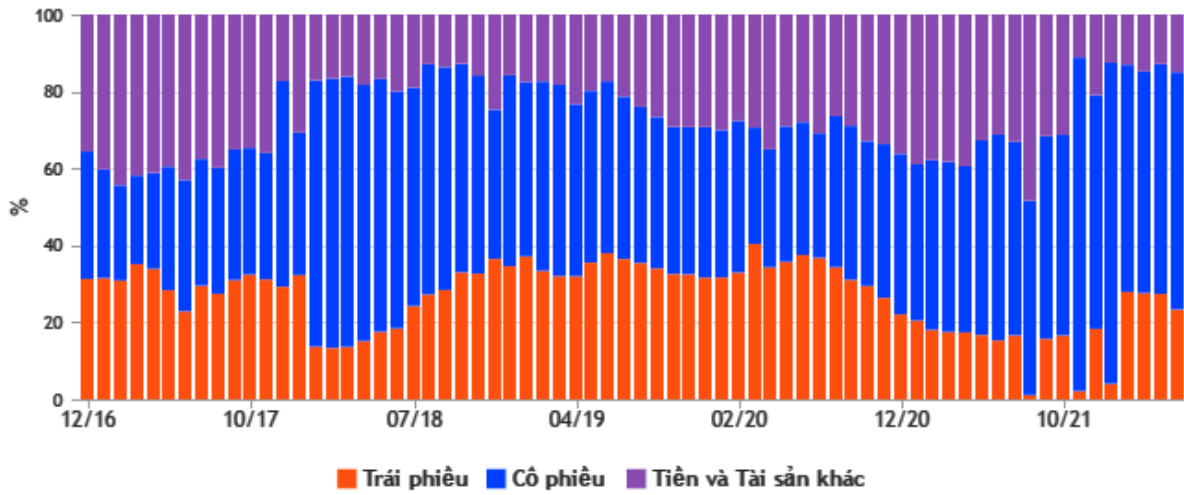
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
EVF	4.79%	98.99	FUEVFN	-3.35%	250.78
VIC	-2.61%	90.01	DPM	-16.19%	125.69
MWG	-7.46%	77.44	GAS	-14.93%	100.89
HSG	0.32%	54.14	DCM	-15.29%	83.47
KDH	-1.41%	53.78	FUEKIV30	-0.86%	29.19



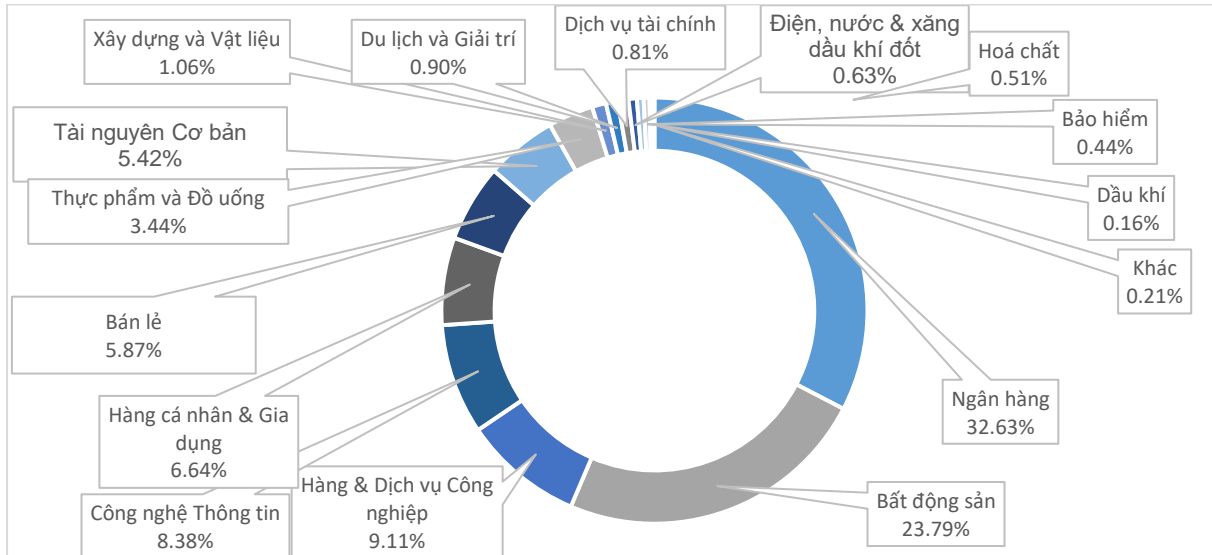


TỔ CHỨC (do finrpo flatform theo dõi)

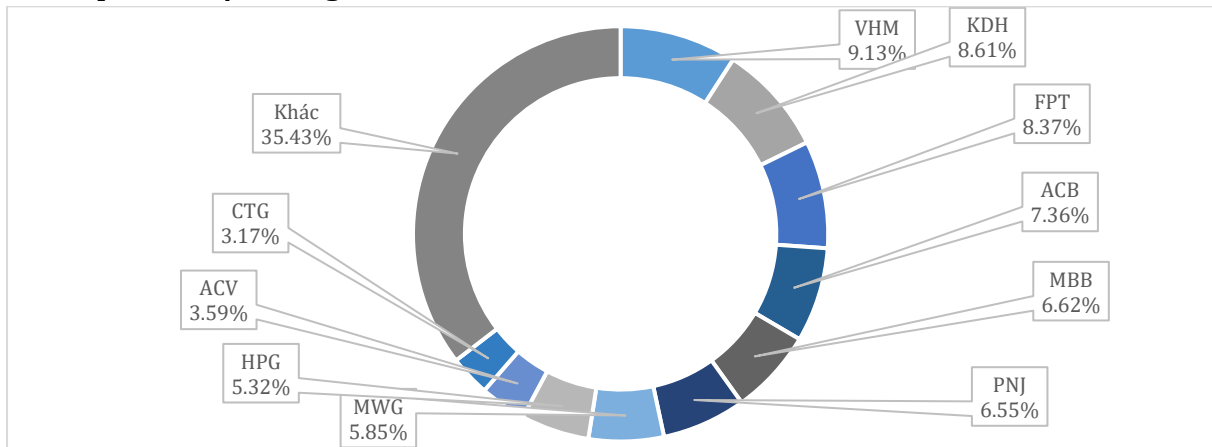
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CQN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	27/06/22	28/06/22	28/07/22
VBC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800 đ/cp)	27/06/22	28/06/22	15/07/22
NBT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	27/06/22	28/06/22	07/07/22
BDT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.118đ/cp)	27/06/22	28/06/22	12/07/22
BLI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.203đ/cp)	27/06/22	28/06/22	28/07/22
IDC	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:1)	27/06/22	28/06/22	27/06/22
PTP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	27/06/22	28/06/22	15/07/22
CSC	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 25:3)	27/06/22	28/06/22	27/06/22
TTF	HSX	Niêm yết bổ sung 82.350.000 cp niêm yết bổ sung		27/06/22	27/06/22
SAV	HSX	Niêm yết bổ sung 2.343.208 cp		27/06/22	27/06/22
DNM	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%)	27/06/22	28/06/22	27/06/22
VIG	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	27/06/22	28/06/22	27/06/22
VNR	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300 đ/cp)	28/06/22	29/06/22	28/07/22
QBS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần 2			28/06/22
VPG	HSX	Niêm yết bổ sung 7.290.408 cp		28/06/22	28/06/22
REE	HSX	Giao dịch 46.351.643 cp niêm yết bổ sung			28/06/22
VNF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	28/06/22	29/06/22	15/07/22
CII	HSX	Giao dịch 707.598 cp niêm yết bổ sung			28/06/22
KHP	HSX	Giao dịch 1.434.525 cp niêm yết bổ sung			28/06/22
SMC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:20)	28/06/22	29/06/22	28/06/22
VGT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)	29/06/22	30/06/22	12/08/22
VSC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 10:1)	29/06/22	30/06/22	29/06/22
TSB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	29/06/22	30/06/22	15/07/22
SDG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	29/06/22	30/06/22	08/07/22
VPS	HSX	Thanh toán cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	29/06/22	30/06/22	15/07/22
TDP	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	29/06/22	30/06/22	29/06/22
WTC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	29/06/22	30/06/22	29/06/22
NS3	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	29/06/22	29/06/22	29/06/22
VND	HSX	Giao dịch đầu tiên 4.000.000 trái phiếu niêm yết			29/06/22
CDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	29/06/22	30/06/22	25/07/22
PCN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/06/22	30/06/22	29/06/22
BT6	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.350đ/cp)	29/06/22	30/06/22	20/07/22
VND	HSX	Giao dịch đầu tiên 2.000.000 trái phiếu niêm yết			29/06/22
VND	HSX	Giao dịch đầu tiên 4.000.000 trái phiếu niêm yết			29/06/22
PIC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	30/06/22	01/07/22	02/08/22
VCG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:10)	30/06/22	01/07/22	30/06/22
HLE	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	30/06/22	30/06/22	30/06/22
VXB	HNX	Hủy niêm yết 4.049.006 cổ phiếu			30/06/22
LDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần 3			30/06/22
KMT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	30/06/22	01/07/22	15/07/22
MBN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (550đ/cp)	30/06/22	01/07/22	21/07/22
CCR	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	30/06/22	01/07/22	21/07/22
NRC	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:5)	01/07/22	04/07/22	01/07/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SVC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	01/07/22	04/07/22	15/07/22
TYA	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (900 đ/cp)	01/07/22	04/07/22	15/07/22
ATB	Upcom	Tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022	01/07/22	04/07/22	01/07/22
VNL	HSX	Thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2021 (500 đ/cp)	01/07/22	04/07/22	15/07/22
LTC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/07/22	04/07/22	01/07/22
DGW	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 100:80)	01/07/22	04/07/22	29/07/22
PDN	HSX	Trả cổ tức đợt 2 (đợt cuối) năm 2021 (2.500 đ/cp)	01/07/22	04/07/22	15/07/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696